

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 02 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thế Xương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Dương Thị Hồng Thùy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn N, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp AT, xã AQ, huyện TP, tỉnh B.

- *Bị đơn:* TRAN DANG Y, sinh năm: 1996

Địa chỉ: ABCXYZ, Nhật Bản.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2018, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Ngô Văn N trình bày:*

Ông và bà TRAN DANG Y quen biết nhau do giới thiệu từ người thân, sau đó hai bên có tìm hiểu nhau qua điện thoại, có gặp nhau được khoảng hai tháng để tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng hai tháng thì vợ ông về Nhật Bản sinh sống còn ông thì ở lại quê nhà. Kể từ khi bà Y về Nhật Bản sinh sống thì hai bên có liên lạc với nhau bằng điện

thoại khoảng 03 tháng. Sau đó, bà Y không liên lạc gì với ông nữa, còn ông thì không liên lạc được với bà Y. Đến nay gần 03 năm, ông không còn tin tức gì về bà Y, ông đã tìm cách nhưng vẫn không liên lạc được. Ông thấy là vợ chồng nhưng khoảng cách địa lý quá xa, không có điều kiện sống gần nhau. Mặt khác, hai bên cũng không có tin tức gì với nhau thời gian dài nên tình cảm ông dành cho vợ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà TRAN DANG Y, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Ông trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà TRAN DANG Y đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà TRAN DANG Y đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà TRAN DANG Y không có mặt tại địa chỉ được yêu cầu. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng bà TRAN DANG Y vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt TRAN DANG Y theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Ngô Văn N và bà TRAN DANG Y là ly hôn, nguyên đơn ông Ngô Văn N đang ở Việt Nam, bị đơn bà TRAN DANG Y hiện đang ở nước ngoài (nước Nhật Bản) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn N và bà TRAN DANG Y tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2015 nên hôn nhân giữa ông Ngô Văn N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông N và bà Y chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 02 tháng thì bà Y trở về Nhật Bản. Từ khi bà Y về Nhật Bản sinh sống thì hai bên có liên lạc với nhau qua điện thoại khoảng 03 tháng, sau đó thì hai

bên không còn liên lạc với nhau, ông N có tìm cách liên lạc với bà Y nhưng không nhận được bất kỳ tin tức gì. Đến nay gần 03 năm, vợ chồng ông N và bà Y không còn sống chung, không còn liên lạc cũng như không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho bà TRAN DANG Y nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước Nhật Bản không thực hiện được ủy thác do không có người nhận tại địa chỉ mà ông N cung cấp cho Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, ông N trình bày ông không cung cấp được địa chỉ nào khác nên Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của bà Y đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa bà Y vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông N và bà Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông N yêu cầu ly hôn với bà Y là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà TRAN DANG Y nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Ngô Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Ngô Văn N.

Về hôn nhân: Ông Ngô Văn N được ly hôn với bà TRAN DANG Y

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông Ngô Văn N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình

bà của bà TRAN DANG Y nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ngô Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008050 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Ngô Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà TRAN DANG Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Thế Xương**